

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



NĂM 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

06

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 17 Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
- 18 Rủi ro
- 20 Mục tiêu và định hướng phát triển

22

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 23 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 24 Tổ chức và nhân sự
- 39 Tình hình tài chính
- 40 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 44 Thông tin cổ phiếu và cổ đông RTB
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

50

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 51 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 53 Tình hình tài chính
- 54 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 58 Kế hoạch phát triển tương lai

59

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 62 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 62 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

64 QUẢN TRỊ CÔNG TY

77 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

79 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2023 nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Là một nền kinh tế có độ mở lớn, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới.

Trong 11 tháng năm 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đơn hàng sụt giảm. Xu hướng ngày càng gia tăng các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng hóa của Việt Nam khiến doanh nghiệp bị động và gặp nhiều bất lợi trong tiếp cận thị trường xuất khẩu.

Theo đó, trong 11 tháng, PMI ở dưới ngưỡng 50 điểm, kéo dài chuỗi suy giảm của ngành chế biến chế tạo; sản lượng giảm và đơn hàng xuất khẩu giảm, trong khi chi phí đầu vào gia tăng.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngành cao su năm 2023, diện tích cây cao su trên cả nước đạt 910,2 nghìn ha, giảm 8,4 nghìn ha so với năm 2022; sản lượng mủ cao su khô khai thác đạt 1,29 triệu tấn, giảm 46,2 nghìn tấn so với năm 2022. Dẫn số liệu từ Hải Quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho hay năm 2023, Việt Nam xuất khẩu 2,14 triệu

tấn cao su, kim ngạch 2,89 tỷ USD, giảm 0,1% về lượng và giảm 12,8% về trị giá so với năm 2022. Về giá xuất khẩu, giá cao su xuất khẩu năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022, bình quân đạt 1.350 USD/tấn, giảm 12,7% so với mức giá bình quân xuất khẩu năm 2022.

Xét về thị trường, năm 2023, Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 79,63% về lượng và chiếm 78,52% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước, đạt 1,7 triệu tấn, trị giá 2,27 tỷ USD, tăng 6,6% về lượng, nhưng giảm 4,8% về trị giá so với năm 2022. Giá xuất khẩu bình quân cao su sang thị trường này ở mức 1.331 USD/tấn, giảm 10,7% so với năm 2022.

Ấn Độ là thị trường xuất khẩu cao su lớn thứ hai của Việt Nam, chiếm 5,26% về lượng và chiếm 5,42% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước. Về giá xuất khẩu, giá cao su xuất khẩu sang Ấn Độ giảm mạnh so với năm 2022. Năm 2023, giá cao su xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ bình quân đạt 1.391 USD/tấn, giảm 18,2% so với năm 2022.

Nhìn chung năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường phần lớn đều sụt giảm so với năm 2022, nhất là các thị trường lớn như: Ấn Độ, Hoa Kỳ, Đức, Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Indonesia, Sri Lanka, Nhật Bản, Tây Ban Nha... Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường vẫn tăng trưởng tốt về lượng như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Hà Lan, Singapore, Cộng hoà Séc...

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 trong điều kiện khó khăn và nhiều thách thức:

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2023 là 2.310,85 ha. Đa số diện tích vườn cây kinh doanh của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo. Cụ thể: Diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 1.241,55 ha chiếm tỷ lệ 58,96% diện tích khai thác và các diện tích này thực hiện chế độ cạo D4; còn lại diện tích vườn cây nhóm 1 với diện tích 864,06 ha chiếm tỷ lệ 41,04% diện tích khai thác và các diện tích vườn cây nhóm 1 thực hiện chế độ cạo D3.

Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao của toàn thể người lao động, Công ty đã chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023, tục xây dựng RTB ngày càng lớn mạnh và vững bước trên con đường phát triển của mình.

Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên luôn ý thức được sự khó khăn ở phía trước, tập thể Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty cũng như chính sách trọng tâm về kinh doanh sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho Công ty trong năm 2023 và tương lai. Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động, xin hứa với quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt hơn nữa kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, nâng thương hiệu của RTB lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nói riêng.


Trân trọng kính chào.



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tên tiếng anh	: TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Vốn điều lệ	: 879.450.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)
Mã cổ phiếu	: RTB
Trụ sở chính	: Tổ 2, ấp Thạnh Phú – xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
Điện thoại	: 0276.3875193 – 3875266
Fax	: 0276.3875307
Email	: tbrc@tabiruco.vn
Website	: www.tabiruco.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242832 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016. Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/04/2022.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985 Công ty bắt đầu thành lập từ ngày 20/12/1985 trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Cao su Bắc Tây Ninh - thuộc UBND Tỉnh Tây Ninh- và Công ty Cao su Thiện Ngôn - thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam, với diện tích 6,151 Ha.

2009 Công ty Cao su Tân Biên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên theo quyết định số 340/QĐ – HĐQTCSVN ngày 24/12/2009, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Tân Biên thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

2016 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2016 Về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

Ngày 11/03/2016, Công ty đã Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 21/4/2016 Công ty đã tổ chức Họp Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, tại Đại hội đã Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 29/4/2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3900242832. Hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/5/2016. Vốn điều lệ là 879.450 triệu đồng.

Ngày 07/11/2016 Cổ phiếu RTB của Công ty được giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là: 18.700 đồng/cổ phiếu.

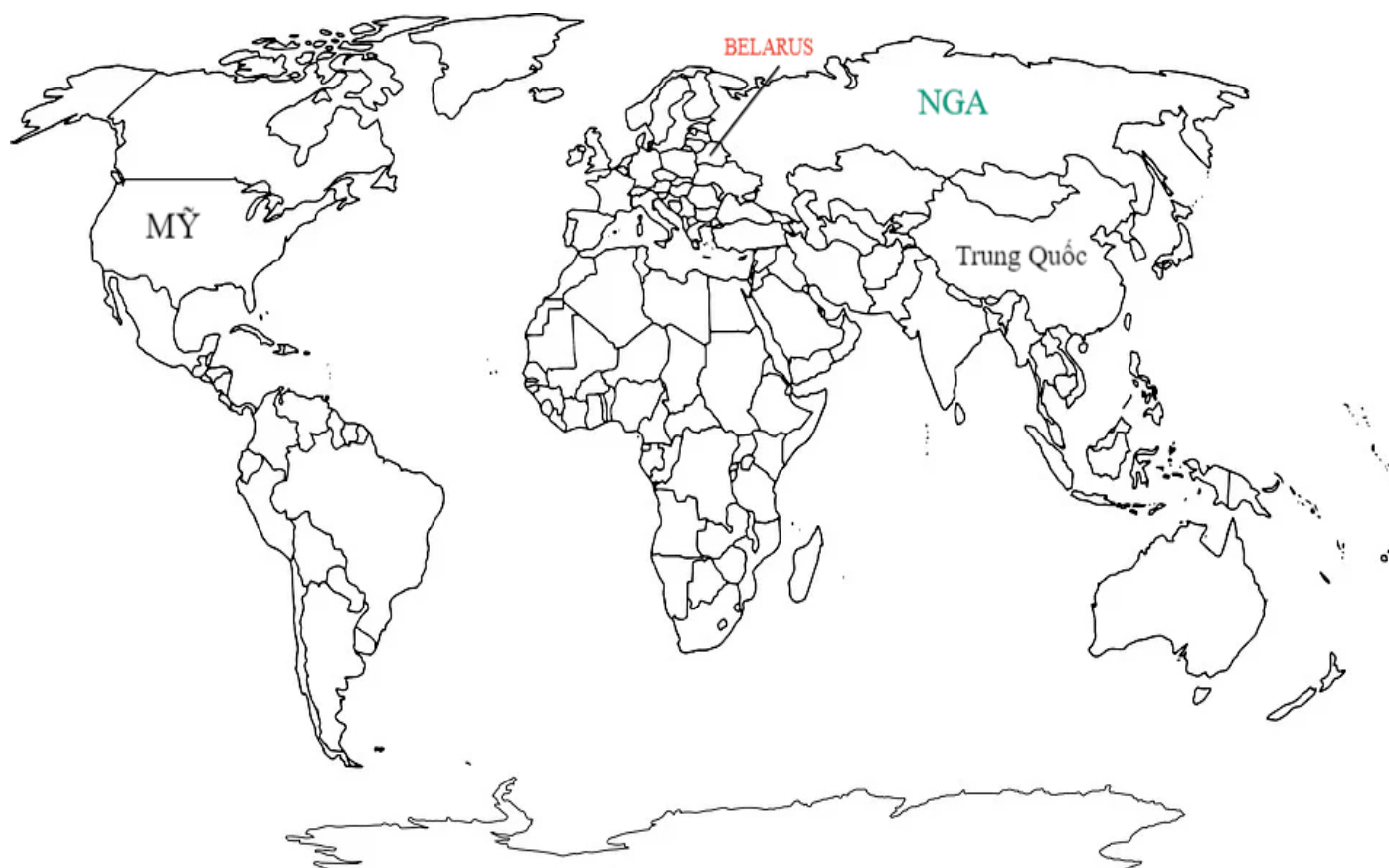
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nito	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17	Khai thác gỗ	0220
18	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đầu tư tài chính.	6499
19	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ cao su	1610
20	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu	4773
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa	5229
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại (theo quy định của tỉnh); kinh doanh bất động sản	6810
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và sửa chữa công trình đường bộ.	4210
24	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
25	Chăn nuôi gia cầm	0146
26	Trồng cây ăn quả	0121

27	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
28	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29	Trồng cây lâu năm khác	0129
30	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
34	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
39	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và nội thất tương tự	4649
40	Khai thác đá	08101
41	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	35116
42	Truyền tải và phân phối điện	3512
43	Trồng cây hàng năm khác	0119

Địa bàn kinh doanh



NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU





Sản phẩm tiêu biểu



CAO SU SVR 3L



CAO SU SVR 10



CAO SU SVR 20



CAO SU SVR CV50



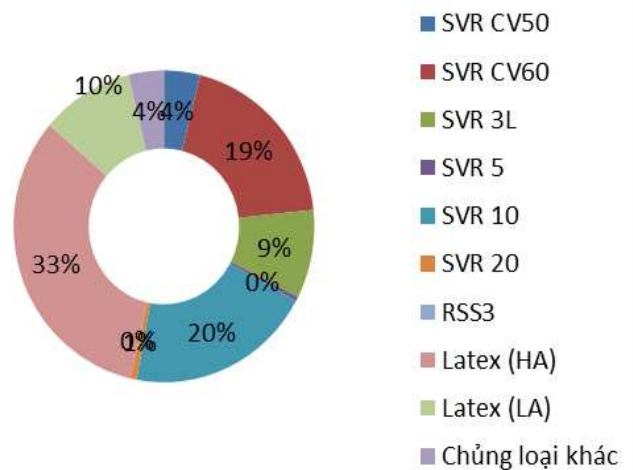
CAO SU SVR CV60

CAO SU LY TÂM (HA)



CAO SU LY TÂM (LA)

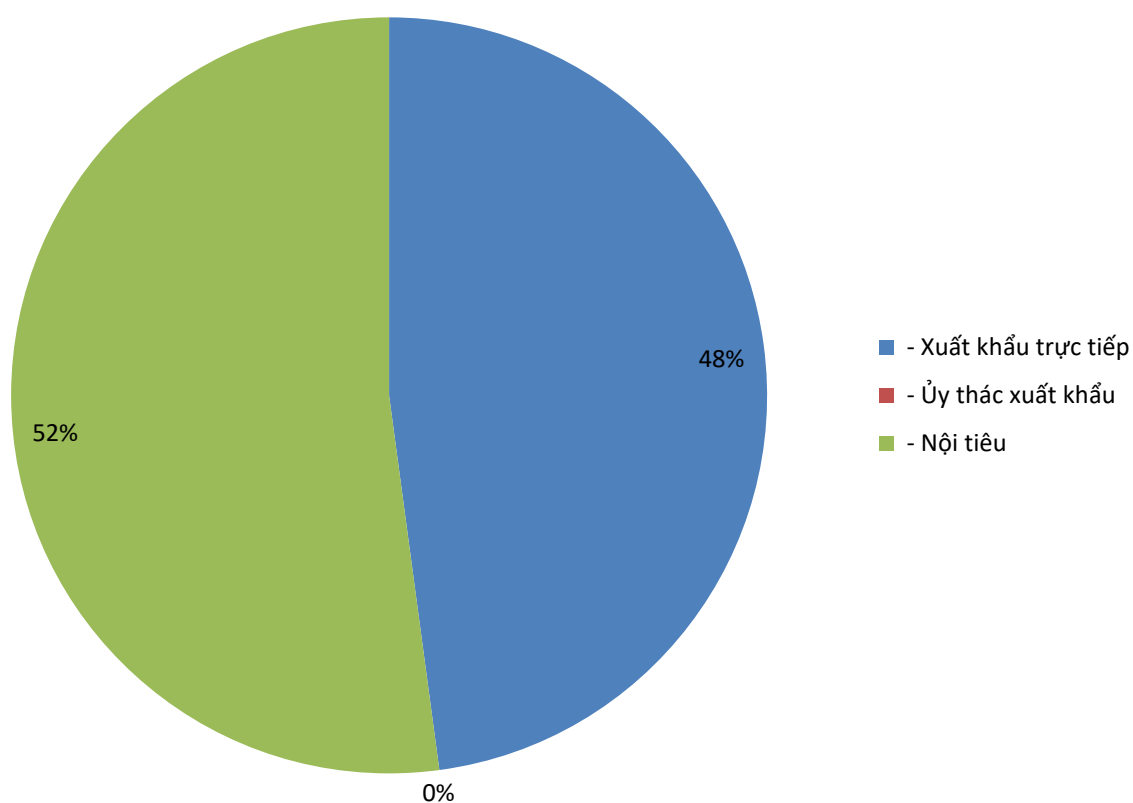
CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CAO SU CHẾ BIẾN THEO SẢN PHẨM



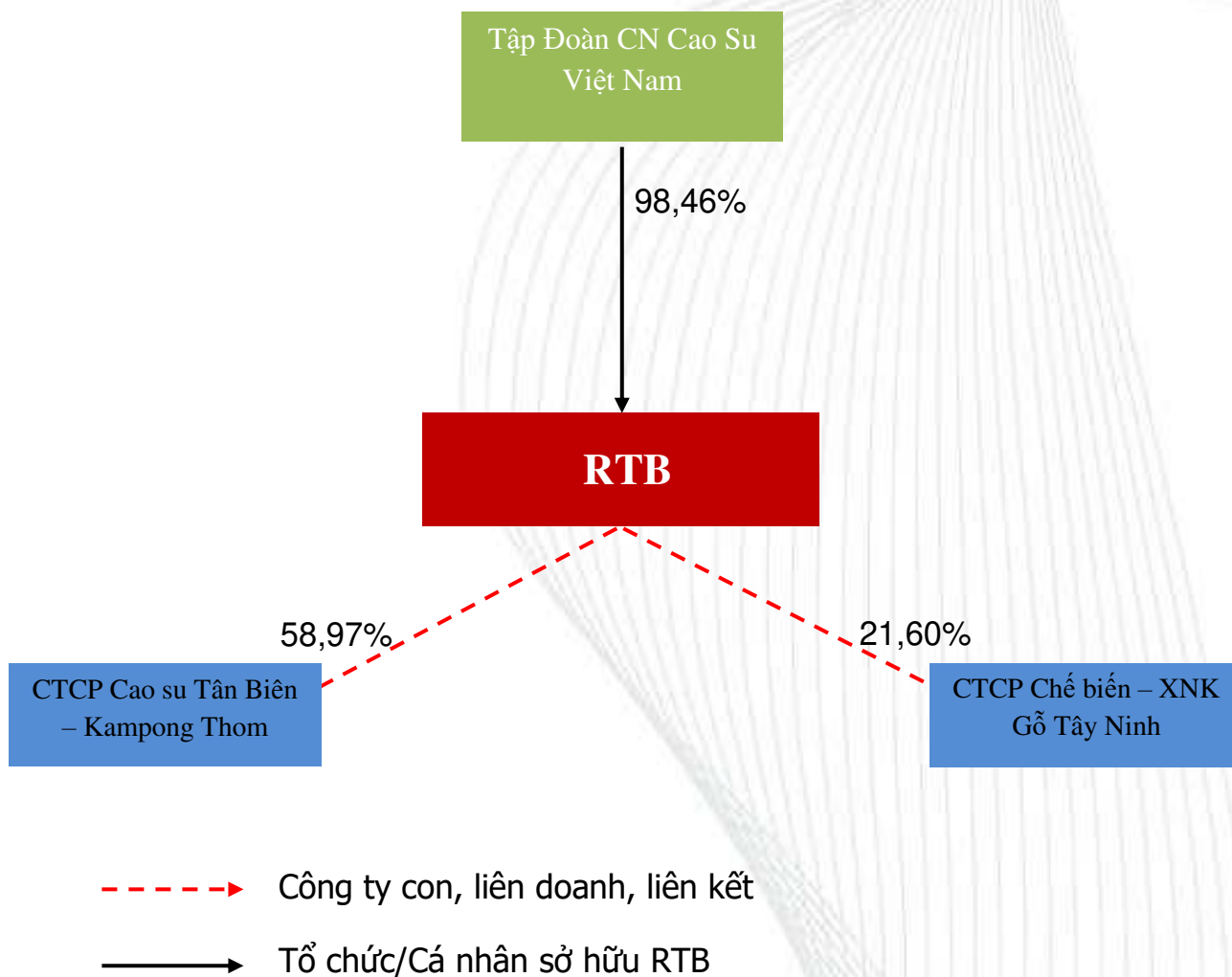
Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	Năm 2022		Năm 2023	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Cao su tự khai thác	2.947	106.875	2.429	82.604
Cao su thu mua	1.418	61.305	894	31.689
Cao su thương mại	11.814	435.503	15.780	511.181
Hoạt động thanh lý	358,76ha	119.873	631,35ha	132.541

Tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ



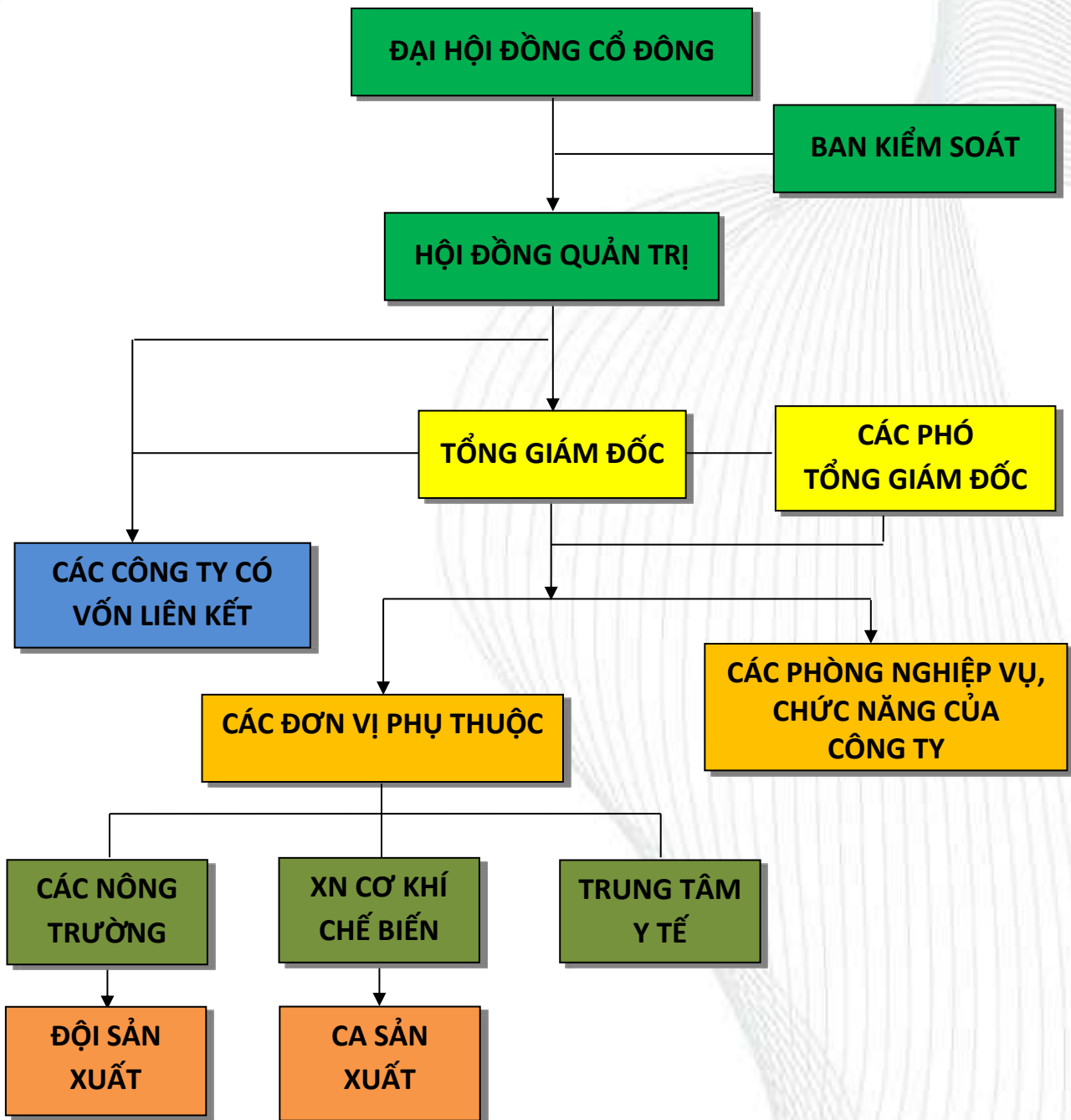
Mô hình quản trị



*Công ty con, liên doanh, liên kết:

1.Công ty con	Công ty CPCS Tân Biên – Kampong Thom
Địa chỉ:	Tổ 8, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ:	1.434 tỷ đồng
Tỷ lệ góp vốn	58,97% (Số vốn góp tính đến 31/12/2023: 845,6 tỷ đồng, đã góp đủ 100%)
Ngành nghề kinh doanh	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su
2.Công ty liên kết	Công ty CP chế biến – XNK Gỗ Tây Ninh
Địa chỉ:	Lô H1, đội G1, thuộc Nông Trường Cao Su Gò Dầu, ấp Bến Muong, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ	50 tỷ đồng
Tỷ lệ góp vốn	21,60% (Số vốn góp tính đến 31/12/2023: 10,8 tỷ đồng, đã góp đủ 100%)
Ngành nghề kinh doanh	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



RỦI RO

Rủi ro về thị trường

Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động. Một khi kinh tế tăng trưởng chậm sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của các sản phẩm của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh xuất khẩu.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tân Biên nói riêng.

Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, với định hướng xuất khẩu chiếm khoảng 30% tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định
- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Rủi ro về lãi suất

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một mối hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty. Bên cạnh đó dịch bệnh COVID-19 với những biến chủng mới đã ảnh hưởng tới nền kinh tế thế giới nói chung và lĩnh vực sản xuất cao su nói riêng.

Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.

Rủi ro về môi trường

Công ty ít chịu rủi ro về môi trường do Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Rủi ro dự án cao su tại Campuchia do Công ty Con làm chủ đầu tư

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ,...



Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Chuyển đổi một số diện tích đất sang trồng các cây hiệu quả hơn, có điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, điện năng lượng mặt trời, khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh, phát triển công ty theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động.



Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2023.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống ISO 14001:2015.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy và tăng thu nhập người lao động.
- Thực hiện đề án tái cơ cấu theo chủ trương và thỏa thuận của Tập Đoàn CN cao su VN trong đó chú trọng sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh, sắp xếp lại các công ty con, công ty liên kết.
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện tốt việc đầu tư phát triển cao su tại Campuchia.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Thông tin cổ đông
 - ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đvt	Thực hiện Năm 2022	Thực hiện Năm 2023	% KH Năm 2023
Diện tích khai thác	Ha	2.577	2.311	100%
Sản lượng khai thác	Tấn	3.421	3.202	100%
Năng suất khai thác	Tấn/ha	1,33	1,39	100%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	16.144	19.104	153%
Tổng doanh thu	Tr đồng	783.677	883.555	144%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	147.360	235.272	160%

Năm 2023 Công ty đạt sản lượng khai thác 3.202 tấn, đạt 100% so với kế hoạch năm 2023. Tổng sản lượng cao su tiêu thụ của Công ty năm 2023 đạt 19.104 tấn cao su các loại, đạt 153% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Nội tiêu được: 9.957,67 tấn.

+ Xuất khẩu được: 9.145,92 tấn.

Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 132,541 tỷ đồng. Kết thúc năm 2023, Công ty mẹ đạt tổng lợi nhuận trước thuế là 235,272 tỷ đồng vượt 60% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành
02	Trương Văn Cư	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
03	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	TV.HQĐT	Thành Viên Độc Lập
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
01	Trương Văn Cư	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
02	Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
03	Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
01	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	
BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban	
02	Hoàng Quốc Hưng	Thành Viên	
03	Hoàng Văn Vinh	Thành Viên	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lê Thị Bích Lợi
Chủ tịch HĐQT



Ông Trương Văn Cư
Tv. HĐQT kiêm TGD



Ông Dương Tấn Phong
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



Ông Lâm Thanh Phú
Tv. HĐQT



Ông Đỗ Quốc Tuấn
Tv. HĐQT

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI **Chủ tịch HĐQT**

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học

Năm sinh : 13/7/1968

CCCD : 038168028076

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1996: Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1996-09/2001: Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2001-12/2009: Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2010-08/2014: Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014-05/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-06/2019: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên

Từ 06/2019- đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.900 CP
- Tỷ lệ: 0,00033%
Đại diện vốn nhà nước: 42.618.053 CP
- Tỷ lệ: 49,12%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học, cử nhân báo chí

Năm sinh : 30/06/1968

CMND : 072068000008

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP
Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-08/1997: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp –
Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/1997-01/2004: Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 02/2004-12/2004: Giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 12/2004-06/2010: Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty
TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Nhà
máy chế biến – Công ty TNHH MTV
Cao su Tân Biên

Từ 08/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám
đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân
Biên

Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 46.955 CP - Tỷ lệ: 0,053%

- Đại diện vốn nhà nước: 17.589.000 CP - Tỷ lệ: 20%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: - Trương Văn
Dễ – Em ruột - Số CP nắm giữ: 10.200 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Trương Thị Kim Trang – Em ruột - Số CP nắm giữ: 2.500 CP -
Tỷ lệ: 0,00284%.



Ông DƯƠNG TẤN PHONG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học.

Năm sinh : 18/4/1968

CMND : 072068002912

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 118, Huỳnh Tấn Phát, KP Hiệp Lễ,
Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh,
tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1991: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1991-05/1992: Trợ lý kỹ thuật Nông trường Suối Ngô, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 5/1992-6/1996: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/1996-12/2004: Phó giám đốc kỹ thuật Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2005-3/2009: Trưởng phòng KTNN, Công ty Cao su Tân Biên.

Từ 03/2009-07/2011: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2011 – 06/2018: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (Nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên)

Từ 06/2018 – 08/2019: TV.HĐQT kiêm Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019 – đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 4.200 CP

- Tỷ lệ: 0,0048%

Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP

- Tỷ lệ: 15 %.

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



Ông Lâm Thanh Phú
TV.HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 29/08/1971

CMND : 072071001683

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/1995-11/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 11/1999-08/2004: Phó phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2004-04/2016: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-08/2019: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 5.200 CP
- Tỷ lệ: 0,00059%
Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP
- Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB:

- Lâm Thanh Hùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0013%.

- Lâm Thanh Tùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.

- Trần Nguyễn Thanh Trúc– Em Dâu - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.



Ông Đỗ Quốc Tuấn
TV.HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/06/2021)

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học

Năm sinh : 12/12/1977

CMND : 290564193

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Năm Trại, Xã Trường Đông,
huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/2009-01/2010: Phó phòng KTNN - Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampong Thom

Từ 08/2010-02/2015: Giám đốc nông trường - Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampong Thom

Từ 03/2015-04/2018: Phó Giám đốc - Công ty TNHH cao su MeKong

Từ 05/2018-05/2021: Giám đốc Công ty TNHH cao su MeKong

Từ 06/2021-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Giám đốc Công ty TNHH cao su MeKong

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP
- Tỷ lệ: 0%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP
- Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ (SYLL tương tự phân HĐQT)



Ông DƯƠNG TẤN PHONG (SYLL tương tự phân HĐQT)



Ông TRẦN VĂN TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 26/02/1966

CMND : 044066011630

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-12/1998: Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1998-12/1999: Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2000-03/2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 03/2005-06/2005: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 07/2005-09/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 06/2009-12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom.

Từ 01/2011-08/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong

Từ 08/2014-04/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Từ 05/2016-đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom.

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB:

- Hồ Thị Bích Loan - Vợ - Số CP nắm giữ: 2.400 CP - Tỷ lệ: 0,0027%.

- Trần Thị Thương – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.900 CP - Tỷ lệ: 0,0022%.

- Trần Thị Ngọc Bé – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0012%

- Nguyễn Tri Ân – Em rể - Số CP nắm giữ: 1.000 CP - Tỷ lệ: 0,0011%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Sang
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Hoàng Quốc Hưng
TV. Ban kiểm soát



Ông Hoàng Văn Vinh
TV. Ban kiểm soát



1. Ông: NGUYỄN VĂN SANG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 12/2/1977

CMND : 291085153

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 11/1997-06/1999: Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên

Từ 06/1999-03/2009: Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-05/2010: Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-07/2010: Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2010-10/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2011-04/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.000 CP - Tỷ lệ: 0,002%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



2. Ông HOÀNG QUỐC HÙNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/6/1990

CMND : 285290939

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng,
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Quá trình công tác :

Từ 07/2012-08/2013: Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng
Kiểm toán AASC (CN HCM)

Từ 09/2013-04/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Từ 05/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành
viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao
su Tân Biên

Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su
Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



3. Ông: HOÀNG VĂN VINH

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 10/11/1973

CCCD : 072073003220

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : xã Thạnh Đông - huyện Tân Châu - tỉnh Tây Ninh.

Quá trình công tác :

Từ 12/1995-04/2009: Kế toán Tổng hợp Nông trường Cao su Tân Hiệp – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/2009-04/2017: Tổ trưởng tổ tín dụng, Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-05/2020: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 06/2020-đến nay: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV, Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có

Thống kê lao động năm 2023

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HĐ có xác định thời hạn	0
HĐ không xác định thời hạn	865
HĐ theo thời vụ (công nhật)	0
Tổng cộng	

Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ: 868 người

Tăng trong kỳ: 214 người

Giảm: 217 người

Lao động có mặt cuối kỳ: 865 người

Tổ chức cán bộ:

- Điều động; Điều động và bổ nhiệm; Điều động và luân chuyển, Thôi giữ nhiệm vụ và bổ nhiệm, Thôi giữ nhiệm vụ và điều động; Điều động và luân chuyển; Giao nhiệm vụ, phân công nhiệm vụ: 66 người; Bổ nhiệm: 04 người; Bổ nhiệm lại: 01 người.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 64 người.

- Nâng lương định kỳ: 318 người.

Giải quyết chế độ chính sách:

Nghỉ việc được hưởng trợ cấp 1 lần: 69 trường hợp, tổng kinh phí Công ty chi trả: 1.291.518.000 đồng, bình quân 18,7 tr/người.

Chính sách lao động:

- Công ty đã và đang tiếp tục áp dụng hình thức giao khoán cho công nhân, từ đó làm cơ sở để tính tiền lương, thu nhập cho người lao động.

- Công tác quản lý tiền lương đã được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời, đúng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn.

- Giải quyết tiền lương hàng tháng đúng định kỳ.

- Tổng quỹ lương KH: 70.177.440.980 đồng.

- Quỹ lương thực hiện: 66.976.078.556 đồng.

- Thu nhập bình quân: 8,2 triệu đồng/người/tháng.

- Chi bồi dưỡng độc hại cho người lao động: 3.501.671.351 đồng.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân: 730.015.760 đồng.

- Ăn giữa ca 20.000 đồng/người/ngày: 4.265.122.720 đồng.

Chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động

Điều trị:

- *Kết quả khám chữa bệnh cụ thể như sau:*

- Điều trị và khám kê toa cho **1.243** lượt người.
- Điều trị nội trú cho : **0** ca. Tổng số ngày điều trị: **0** ngày. Không đạt công suất sử dụng giường bệnh.
- Cấp cứu: **0** ca.
- Chuyển tuyến trên : **36** ca.
- Khám sức khỏe 01 đợt/năm tập trung cho toàn thể CB-CNV: **760/875** CBCNV đạt tỉ lệ 86,9% tổng số CBCNV.

Bảo hiểm y tế:

- 100% CBCNV công ty có thẻ BHYT bắt buộc do BHXH Tây Ninh phát hành.
- Công tác BHYT được thanh quyết toán kịp thời.
- Bệnh nhân BHYT được đối xử công bằng và tạo mọi điều kiện để khám chữa bệnh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2023	Ghi chú
Tổng tài sản	1.453	
Doanh thu thuần	626	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	235	
Lợi nhuận kế toán sau thuế	208	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	79,56	
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	20,44	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	14,90	
	- Nợ/Vốn CSH	%	17,51	
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,74	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,52	
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TS LNST/Tổng tài sản	%	6,93	
	- TS LNST/Doanh thu	%	16,70	
	- TS LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,15	
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	3,40	
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,38	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom

Tình hình hoạt động 02 dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia. Tổng diện tích vườn cây cao su tại 02 dự án là 12.957,91 ha. Tình hình hoạt động 02 dự án trong năm 2023 như sau:

*** Dự án 1:** Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom:

- Tổng diện tích vườn cây: 7.243,91 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác : 7.243,91 ha.
- Sản lượng cao su khai thác là 15.303,85 tấn, đạt 107,02% so với kế hoạch 14.300 tấn, năng suất bình quân: 2,11 tấn/ha.
- Sản lượng cao su chế biến được 18.215,41 tấn, đạt 114,56% so với kế hoạch là 15.900 tấn.

Trong đó:

- + Chế biến mủ cao su khai thác: 15.395,22 tấn, đạt 107,66% so với kế hoạch 14.300 tấn.
- + Gia công chế biến được 2.820,2 tấn, đạt 176,26% so với kế hoạch 1.600 tấn
- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 15.369,56 tấn, đạt 107,48% so với kế hoạch 14.300 tấn.
- Tổng doanh thu: 494,70 tỷ đồng, đạt 95,17% so với kế hoạch 519,8 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 112,65 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 120,64 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận từ gia công: 0,75 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận hoạt động tài chính: -9,15 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận khác: 0,42 tỷ đồng.

*** Dự án 2:** Công ty TNHH Cao su Mê Kông

- Tổng diện tích vườn cây: 5.714 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác: 5.714 ha.
- Sản lượng cao su khai thác là 8.661 tấn, đạt 112,47% so với kế hoạch 7.700 tấn.
- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 8.531,62 tấn, đạt 110,80% so với kế hoạch 7.700 tấn.
- Tổng doanh thu: 283,23 tỷ đồng, đạt 102,11% so với kế hoạch 277,39 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 41,3 tỷ đồng, đạt 87,04% so với kế hoạch 47,45 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 51,42 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận hoạt động tài chính: - 8,97 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận hoạt động khác: -1,15 tỷ đồng.

*** Kết quả hợp nhất kinh doanh 02 dự án:**

- Tổng doanh thu: 777,93 tỷ đồng, đạt 97,58 % so với kế hoạch 797,19 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 153,96 tỷ đồng đạt 90,6% so với kế hoạch 169,91 tỷ đồng. Trong đó:

- + Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 172,06 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận từ gia công: 0,75 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận hoạt động tài chính: -18,12 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận khác: -0,73 tỷ đồng.

*** Đánh giá chung hoạt động 02 dự án:**

Nhìn chung, trong năm 2023 bên cạnh những mặt thuận lợi, tình hình hoạt động SXKD tại 02 dự án trồng cao su đầu tư tại Vương quốc Campuchia cũng gặp không ít khó khăn như: lực lượng lao động thường xuyên biến động, nhất là lao động trực tiếp, công tác tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn; một số vườn cây không có người cạo, công nhân phải cạo choàng. Trong năm 2023, do ảnh hưởng của giá mủ cao su giảm, giá bán thấp nên tình hình tiêu thụ chậm, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trước tình hình khó khăn trên đã triển khai các giải pháp như: (i) Công ty đã chủ động thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương của người lao động được quan tâm thực hiện theo đúng quy định, làm tốt chính sách an sinh xã hội; (ii) Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ phòng chống mất cắp mũ, cương quyết xử lý những đối tượng có hành vi trộm cắp mũ đồng thời thường xuyên phối kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền vận động công nhân, người dân thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài sản; (iii) Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm

Nhờ được sự chỉ đạo kịp thời, sự điều hành linh động của Ban lãnh đạo Công ty cùng với quyết tâm, đồng lòng, đoàn kết của toàn thể CB.CNV người lao động nên các chỉ tiêu về SXKD trong năm 2023 đều đạt và vượt kế hoạch. Nhà máy chế biến mũ hoạt động hiệu quả, chế biến đạt công suất thiết kế, đảm bảo công suất chế biến mũ nguyên liệu tại 02 dự án và gia công cho các đơn vị khác trong vùng.

Ngoài ra, năm 2023 Công ty đã thực hiện chia tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 11,5%/cổ phiếu cho các cổ đông với tổng số tiền chi trả 164,91 tỷ đồng.

Với kết quả SXKD đạt được như trên là tiền đề, động lực để đơn vị phấn đấu hơn nữa ở những năm tiếp theo.

2. Dự án Cty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Tổng Vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 21,6% Vốn điều lệ, tương đương 10,8 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 100%. Thế mạnh của Công ty là sản xuất gỗ phôi bán xuất khẩu và bán trong nước, sản xuất gỗ ghép tấm chất lượng cao. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dư nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tuy nhiên năm 2023 do tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức, chi phí chế biến gỗ tăng, giá bán giảm nên trong năm 2023 công ty kinh doanh không có lãi.

3. Góp vốn vào Công ty cổ phần Quasa Geruco

- Mục đích đầu tư: Trồng 8.650 ha cao su tại Lào.

- Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mũ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm, đến cuối năm 2023 đã kinh doanh có lãi hơn 1,77 tỷ đồng.

4. Dự án Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị:

- Mục đích đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF, công suất 60.000 m³/năm.

- Tổng vốn điều lệ: 551 tỷ đồng.

- Thời gian triển khai: năm 2005.

- Đến 31/12/2023 Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp 33,672 tỷ đồng, tương đương 6,11% Vốn điều lệ.

- Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tương đối tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dư nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tuy nhiên trong năm 2023 tình hình kinh tế nói chung và ngành gỗ nói riêng còn

nhiều khó khăn thách thức, chi phí chế biến gỗ tăng, giá bán giảm nên trong năm 2023 công ty kinh doanh không có lãi.

5. Dự án Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

- Tổng vốn điều lệ 369,428 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn đủ 13 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010.
- Ngày 31/12/2014, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 1.065.570.000 đồng tương đương 106.557 cổ phiếu.
- Ngày 08/04/2020, Công ty tiếp tục thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 677.160.000 đồng, tương đương 67.716 cổ phiếu. Như vậy, đến 31/12/2022 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này chỉ còn 11.257.270.000 đồng, tương đương 1.125.727 cổ phiếu.
- Do đặc thù ngành nghề kinh doanh khách sạn nên dự án này không đạt hiệu quả trong ngắn hạn, trong năm 2023 Công ty kinh doanh có lợi nhuận 344 triệu đồng.

6. Dự án Cty CP PT Đô thị & KCN Cao su VN:

- Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.
- Thời gian khởi công: tháng 01 năm 2008.
- Tổng vốn điều lệ 258,94 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn 7,56% tương đương 19,580 tỷ đồng.
- Hiện Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu, bước đầu đang có những hiệu quả nhất định. Trong năm 2024, công ty tiếp tục theo dõi giá cổ phiếu VRG trên thị trường chứng khoán để tiến hành thoái vốn khi thích hợp. Đến 31/12/2023 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này là 4,664 tỷ đồng, tương đương 466.400 cổ phiếu. Năm 2023 công ty kinh doanh có lợi nhuận hơn 195 tỷ đồng.

Khoản mục (Đvt: đồng)	Đầu tư Năm 2022	Luỹ kế đến 31/12/2023		
		Giá trị theo sổ sách	Mệnh giá gốc (10.000đ/cp)	Chênh lệch
Đầu tư vào công ty con (TK 221)	0	795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom		795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)	0	16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Công ty CP CB&XNK Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Đầu tư dài hạn khác (TK 228)	0	41.306.446.741	61.592.820.000	(20.286.373.259)
Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị		26.263.809.000	33.671.550.000	(7.407.741.000)
Công ty CP TMDV&DL Cao su		2.050.267.464	11.257.270.000	(9.207.002.536)
Công ty CP Quasa Geruco		11.593.170.277	12.000.000.000	(406.829.723)
Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN		1.399.200.000	4.664.000.000	(3.264.800.000)
TỔNG CỘNG	0	852.438.957.720	918.024.580.000	(65.585.622.280)



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG RTB

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng

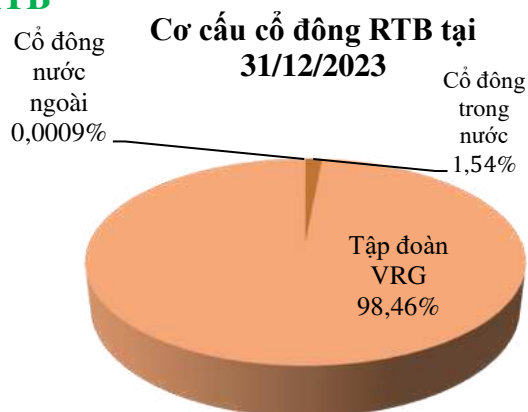
Mã chứng khoán: RTB

Tổng số CP: 87.945.000 CP

Số lượng CP đang lưu hành: 87.945.000 CP

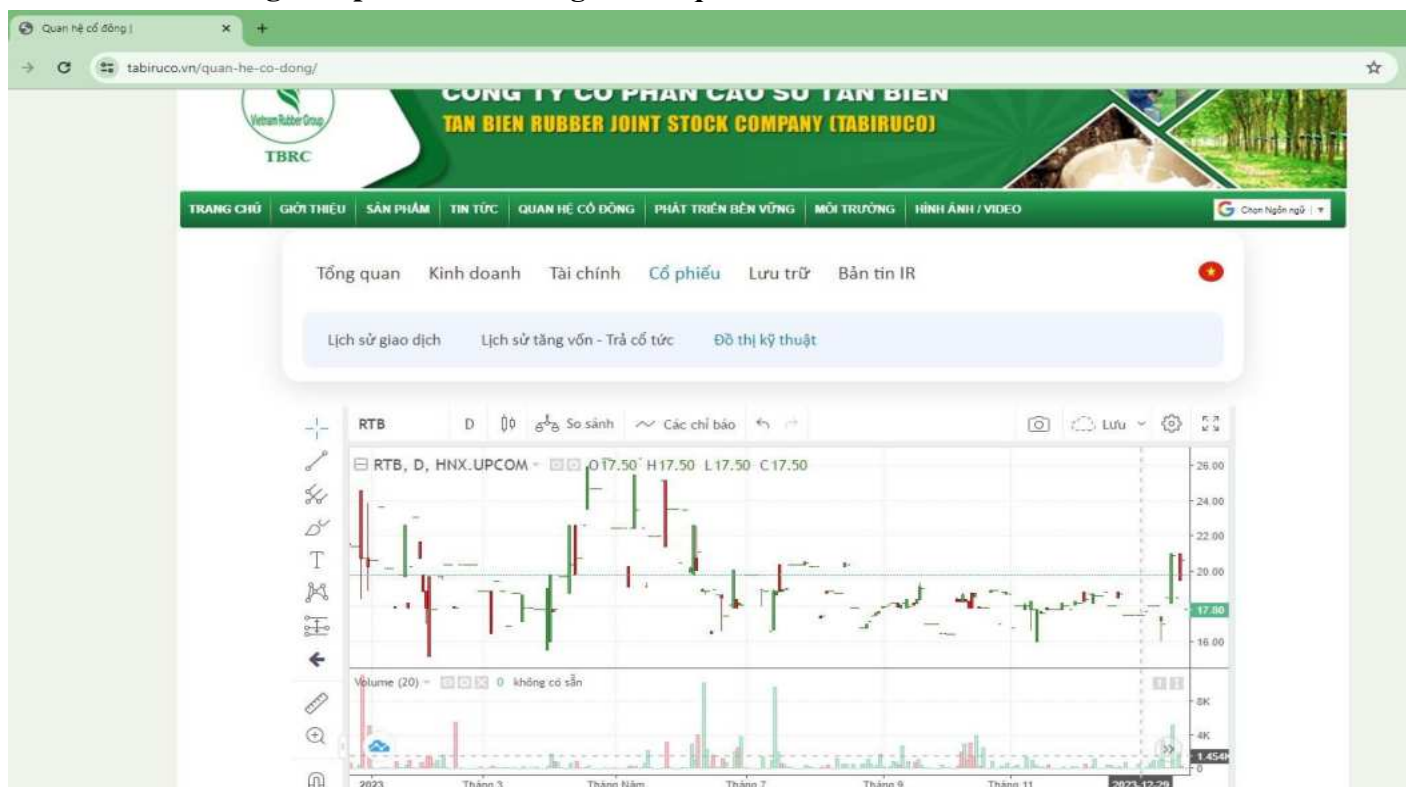
Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2023: 10.000 đồng



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	86.590.553	98,46%
Cổ đông trong nước	1.353.647	1,54%
–Tổ chức	120.000	0,14%
–Cá nhân	1.233.647	1,40%
Cổ đông nước ngoài	800	0,0009%
–Tổ chức	800	0,0009%
–Cá nhân		0,0000%
Cổ phiếu quỹ	0	0,00%
Tổng cộng	87.945.000	100,00%

Biểu đồ giá cổ phiếu RTB trong 1 năm qua



Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 31/12/2023

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	4106000341	86.590.553	98,46%

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HDQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước, vốn tổ chức khác) tại ngày 31/12/2023

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND/CCCD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HDQT	038168028076	42.620.953	48,46%
Trương Văn Cư	Tv.HDQT kiêm Tổng Giám đốc	072068000008	17.635.955	20,05%
Lâm Thanh Phú	Tv.HDQT	072071001683	13.196.950	15,01%
Dương Tấn Phong	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	072068002912	13.195.950	15,00%
Đỗ Quốc Tuấn	Tv.HDQT độc lập	072077011910	0	0,00%
Trần Văn Toàn	Phó TGD	044066011630	0	0,000%
Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban kiểm soát	080077000510	0	0,0000%
Hoàng Văn Vinh	Tv. Ban kiểm soát	072073003220	0	0,000%
Hoàng Quốc Hưng	Tv. Ban kiểm soát	285290939	0	0,000%
Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	095074009254	0	0,000%
Tổng cộng			86.649.808	98,53%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**
 - a. **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:**
 - Tổng lượng nguyên liệu chế biến trong năm 2023 là 2.972 tấn, trong đó chế biến mù Công ty khai thác 2.476 tấn, mù thu mua 496 tấn.
 - Chất lượng chế biến ổn định, đảm bảo uy tín thương hiệu trên thị trường.
 - b. **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:**
 - Trong quá trình sản xuất không phát sinh phế phẩm nên không tái chế.
- **Tiêu thụ năng lượng:**
 - a. **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**
 - Sản lượng điện tiêu thụ để sản xuất mù cao su trong năm 2023 là: 1.156.147 KWH (thấp hơn năm 2022: 70.183 KWH).
 - b. **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:**
 - Tổng sản lượng điện tiết kiệm được trong năm: 133.024 KWH.
- **Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:**
 - a. **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**
 - Nguồn cung cấp nước: mạch nước ngầm dưới lòng đất.
 - b. **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:**
 - Công ty không tái sử dụng nước, chỉ sử dụng khoảng 10% cho việc tưới tiêu quanh nhà máy chế biến.
- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**
 - + Hệ thống quan trắc nước thải tự động: Đã truyền dữ liệu về Sở TNMT Tây Ninh và đang hoạt động tốt.
 - + Hệ thống quan trắc tự động khai thác 02 giếng nước ngầm: Đã truyền dữ liệu về Sở TNMT Tây Ninh và đang hoạt động tốt.
 - + Quản lý khí thải và nước thải: Hệ thống nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt 100% theo tiêu chuẩn QCVN đúng quy định của pháp luật trước khi thải ra môi trường. Áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, cam kết thực hiện tốt chính sách chất lượng và môi trường với phương châm “Phục vụ tốt cho cộng đồng và tạo dựng môi trường xanh trong sản xuất”. Định kỳ gửi báo cáo giám sát cho cơ quan quản lý Nhà nước đúng quy định.
 - + Quản lý chất thải nguy hại và chất thải thông thường: lập hồ sơ và đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý triệt để 100% đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật.

Theo dõi công tác vệ sinh và bảo vệ môi trường khu vực xí nghiệp cơ khí chế biến, duy trì thực hiện ISO 14001:2015.

- **Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Lao động bình quân năm 2023 là 976 người.
- Số lượng lao động tính đến 31/12/2023 là 865 người.
- Thu nhập bình quân: 8,2 triệu đồng/người/tháng.
- Ngoài ra, Công ty còn chi các khoản như: chi phí Bảo hộ lao động, Bồi dưỡng độc hại, các loại bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).
- Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm Công ty đã đưa đi đào tạo, tập huấn các lớp về chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách thuế, lao động, tiền lương, BHXH,..., văn thư lưu trữ, quản trị văn phòng, chế biến mũ cao su,... Tổng kinh phí đào tạo năm 2023 là 274 triệu đồng.

• Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM CÔNG TY CP CAO SU TÂN BIÊN		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc				
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO, CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024						
STT	Tên đơn vị	Tên tỉnh thành phố được hỗ trợ	Kết quả thực hiện năm 2023			Đăng ký ủng hộ năm 2024 (1.000đ)
			Số tiền (1.000đ)	Số nhà xây dựng mới (căn)	Số nhà sửa chữa(căn)	
1	Đóng góp quỹ vì người nghèo	Tây Ninh	80.000			50.000
2	Hỗ trợ trẻ em, đồng bào dân tộc nghèo, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương	Tây Ninh, TP HCM	218.680			50.000
3	Hội nạn nhân chất độc màu da cam					
4	Hỗ trợ quỹ và xây nhà đèn ơn đáp nghĩa	Tây Ninh	10.000			30.000
5	Xây dựng nhà tình thương, Đại đoàn kết, nhà rộng					
6	Xây dựng, tu sửa trường học					
7	Xây dựng, tu sửa nâng cấp khu mộ liệt sĩ, nhà tưởng niệm, bảo tàng, truyền thống, văn hóa					
8	Ứng hộ đồng bào lũ lụt, đồng bào thiên tai	Hà Tĩnh	40.000			
9	Ứng hộ chiến sĩ đồn Biên phòng, công an biên giới	Tây Ninh	10.000			10.000
10	Hỗ trợ làm đường, xây cầu, cầu treo, cầu khi					
11	Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, Hội LH phụ nữ, làng thôn	Tây Ninh, TP HCM	158.000			100.000
12	Hỗ trợ chiến sĩ, người dân trên Đảo Trường Sa					
13	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính Phủ					
14	Đóng góp các quỹ, chương trình phòng chống dịch Covid-19					
15	Hỗ trợ các chương trình cho hoạt động an sinh xã hội khác	Tây Ninh, TP HCM	391.790			260.000
Tổng cộng			908.470			500.000

LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lâm Quang Phúc

Ngày 8 tháng 1 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Văn Cư

- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

- Trong năm 2023, Công ty được tổ chức GFA đánh giá duy trì chứng chỉ rừng VFCS/PEFC, với tổng diện tích cao su là 4.426,11 ha (trong đó: NTCS Bỏ Túc 2.426,99 ha và NTCS Suối Ngô 1.999,12 ha). Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện và đã được tổ chức SGS đánh giá duy trì chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC và DDS.



III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến trong năm
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
-

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khó khăn – Thuận lợi

Khó khăn

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2023 là 2.310,85 ha. Đầu năm 2023, công nhân tiếp tục nghỉ việc nhiều dẫn đến thiếu lao động nên phải thực hiện công tác nhượng quyền khai thác bên ngoài với diện tích là 205,24 ha, chiếm 8,87% tổng diện tích khai thác, diện tích Công ty tự khai thác còn lại là 2.105,61 ha

Diện tích vườn cây Công ty tự khai thác (2.105,61 ha) đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao. Cụ thể: Diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 1.241,55 ha chiếm tỷ lệ 58,96% diện tích khai thác và các diện tích này thực hiện chế độ cạo D4; còn lại diện tích vườn cây nhóm 1 với diện tích 864,06 ha chiếm tỷ lệ 41,04% diện tích khai thác và các diện tích vườn cây nhóm 1 thực hiện chế độ cạo D3.

Do các tháng đầu năm 2023, giá bán mủ cao su ở mức thấp, kết quả kinh doanh không thuận lợi do đó để đảm bảo giá thành sản xuất và tiền lương cho người lao động, Công ty không bón phân cho vườn cây kinh doanh. Hơn nữa, trong năm 2023 tình hình thời tiết mưa nhiều, trải đều các tháng với tổng số ngày mưa 110 ngày/291 ngày cạo/năm, số ngày mưa chiếm 37,8% số ngày cạo (so với cùng kỳ tăng 5 ngày mưa), lượng mưa 2.077 mm/năm, ảnh hưởng do mưa nên các Nông trường phải tổ chức số ngày cạo trễ, số ngày cạo trễ 24 ngày/năm, số ngày nghỉ cạo 3 ngày/năm (so với cùng kỳ số ngày nghỉ cạo tăng 2 ngày), ước tính sản lượng mủ mất tương ứng với số ngày cạo trễ và số ngày nghỉ cạo không khai thác mủ được là 155 tấn. Mặt khác, tình hình mất cấp mủ trên vườn cây diễn biến phức tạp nên ảnh hưởng rất lớn công tác bảo vệ tài sản mủ khai thác trên vườn cây đã ảnh hưởng lớn đến công tác thực hiện kế hoạch sản lượng Tập đoàn giao.

Thị trường cao su tiếp tục diễn biến theo xu hướng không thuận lợi như: giá bán cao su giảm mạnh (giảm 5,84 triệu đồng/tấn so với năm 2022), thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn, công tác bán hàng rất chậm nên dẫn đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong năm thấp.

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc; sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.

- Công tác đầu giá vườn cây thanh lý của Công được thực hiện tốt, giá trị sau khi đầu giá thanh lý vườn cây tăng lên đáng kể góp phần tăng đáng kể về doanh thu lợi nhuận của Công ty trong năm 2023.

Một số các chỉ tiêu thực hiện năm 2023 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
A	B	2	3	4=3/2
A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG:				
1-Diện tích khai thác:	ha	2.314,98	2.310,85	99,8%
2-Sản lượng khai thác:	tấn	3.200,00	3.201,87	100,1%
3-Năng suất:	tấn/ha	1,38	1,39	100,2%
4-Sản lượng chế biến:	tấn	4.486,00	2.971,93	66,2%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	2.986,00	2.475,68	82,9%
-Mủ thu mua	tấn	1.500,00	496,25	33,1%
-Gia công	tấn	0,00	0,00	
5-Sản lượng tiêu thụ:	tấn	12.500,00	19.103,59	152,8%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	3.000,00	2.429,22	81,0%
-Mủ thu mua	tấn	1.500,00	893,89	59,6%
-Hàng hóa cao su	tấn	8.000,00	15.780,48	197,3%
+Xuất khẩu:	tấn	5.000,00	9.145,92	182,9%
-Trực tiếp	tấn	5.000,00	9.145,92	182,9%
-Uy thác qua Tập đoàn	tấn	0,00	0,00	
-Uy thác qua đơn vị khác	tấn	0,00	0,00	
+Nội tiêu:	tấn	7.500,00	9.957,67	132,8%
6-Tồn kho cuối năm:	tấn	4.720,78	3.122,94	66,2%
B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:				
1-Giá thành tiêu thụ:	Tr đồng	36,66	33,27	90,7%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	32,94	33,96	103,1%
-Mủ thu mua	Tr đồng	39,00	36,56	93,8%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	37,63	32,98	87,6%
2-Giá bán tiêu thụ:	Tr đồng	37,91	32,81	86,5%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	38,02	34,59	91,0%
Mủ thu mua	Tr đồng	39,18	35,45	90,5%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	37,63	32,39	86,1%
3 -Tổng doanh thu:	Tr đồng	614.672	883.555	143,7%
4-Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tr đồng	146.996	235.272	160,1%
5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách	Tr đồng	61.130	79.301	129,7%
6-Tỷ suất lợi nhuận:				
_ Trước thuế/doanh thu	%	23,91	26,63	111,3%
_ Trước thuế /vốn điều lệ	%	16,71	26,75	160,1%
7-Trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	%	7,00	16,50	235,7%
8-Tổng đầu tư XDCB	Tr đồng	62.760,00	51.113,00	81,4%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Tổng tài sản	2.735	2.779	98,42
Tài sản ngắn hạn	559	649	86,16
Phải thu ngắn hạn	30	36	82,97
Hàng tồn kho	172	238	72,49
Tài sản dài hạn	2.176	2.130	102,16

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Nợ phải trả	407	551	74,01
Nợ ngắn hạn	222	290	76,70
Vay và nợ ngắn hạn	44	51	85,61
Phải trả người lao động	60	64	93,02
Quỹ khen thưởng phúc lợi	27	37	73,90
Nợ dài hạn	185	261	71,02
Vay dài hạn	173	250	69,21

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác chế biến

- Chất lượng chế biến các loại sản phẩm đều được nâng cao.
- Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên nên thiết bị, máy móc hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến công tác sản xuất, đảm bảo công suất và chất lượng ổn định.
- Xe vận chuyển nguyên liệu về nhà máy an toàn, hiệu quả đảm bảo thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất cho sản xuất.



Công tác tài chính

- Nguồn vốn thường xuyên được cân đối để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản (trong đó, thực hiện dự án tái canh trồng mới của Công ty, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và chi trả các chế độ cho người lao động);
- Cập nhật các Thông tư, Chỉ thị mới vào công tác nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành;
- Đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động.
- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời;
- Thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về tình hình tài chính của đơn vị.
- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB

▪ **Công tác tái canh:**

Công ty đã hoàn thành việc trồng tái canh vào ngày 30/07/2023, với diện tích 578,13 ha so với kế hoạch 458,93 ha, đạt 125,97%.

▪ **Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:**

Công ty tiếp tục thực hiện và chăm sóc tốt vườn cây KTCB với tổng diện tích là 2.602,13 ha/2.609,17 ha, đạt 99,73% (giảm 7,04 ha do phần diện tích bàn giao về địa phương để thực hiện Công trình Đường ĐT 794 theo Công văn số 413/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 15/7/2022).

Vườn cây được theo dõi, chăm sóc, thường xuyên đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, công tác bón phân, được thực hiện tốt. Công tác tía chồi được áp dụng theo đúng quy trình kỹ thuật; công tác

bảo vệ thực vật, bảo vệ vườn cây, công tác phòng chống cháy trên vườn cây cao su KTCB được kiểm tra thường xuyên.

- Công ty đã áp dụng cơ giới hóa trong công tác chăm sóc vườn cây, như: sử dụng máy cày đập cỏ, máy bón phân, máy cao áp phun phòng trị bệnh phấn trắng trên vườn cây.... Việc áp dụng cơ giới hóa trong công tác chăm sóc vườn cây đã góp phần tiết giảm chi phí suất đầu tư, nâng cao hiệu quả trong công tác chăm sóc vườn cây KTCB.

Quản lý suất đầu tư :

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2023 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 60,459 triệu đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư ngoài:

- **Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản**

- * **Về xây lắp:**

- Trong năm 2023, do giá bán không thuận lợi nên Công ty đã cắt giảm một số hạng mục công trình, chỉ triển khai thực hiện các công trình trọng điểm thật sự cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh gồm các công trình: Cải tạo sửa chữa Nhà khách Văn phòng Công Ty, Cải tạo sửa chữa Nhà ở tập thể văn phòng (2 căn cạnh nhà khách Công ty), Xây dựng Nhà sinh hoạt công nhân và thanh thiếu niên Công ty, Bãi rửa xe tại Xí nghiệp Cơ khí Chế biến; và các công trình (năm 2022 chuyển sang) gồm: Công trình sửa chữa nhà làm việc tại các Nông trường, Công trình sửa chữa đường lô tại các Nông trường; 02 Nhà làm việc Đội Sản xuất – Nông trường cao su Tân Hiệp và Nông trường cao su Bồ Túc.

- Đối với công trình: “Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m3/ngày.đêm tại Xí nghiệp CKCB”, ngày 14/12/2023 UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 2602/QĐ-UBND về việc cấp giấy phép môi trường cho Công ty CP cao su Tân Biên thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại Nhà máy chế biến mủ cao su. Hiện nay, Công ty và nhà thầu thi công đã vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Giấy phép môi trường đã được cấp, thời gian vận hành từ ngày 19/12/2023 đến ngày 19/1/2024; đồng thời Công ty đã gửi hồ sơ, báo cáo về UBND tỉnh Tây Ninh để phê duyệt Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm.

- * **Về mua sắm thiết bị:**

- Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư 01 thiết bị máy cán soạn mẩu cao su (02 trục) và 01 cân phân tích điện tử (loại hiển thị 04 số lẻ) tại Phòng Quản lý chất lượng, và nâng cấp, cải tạo thiết bị tháp khử mùi (tại Xí nghiệp Cơ khí chế biến).

- Giá trị đầu tư XDCB năm 2023 (bao gồm trả lãi vay) đạt 51,11 tỷ/62,76 tỷ đồng đạt 81,43% kế hoạch.

- **Công tác đầu tư tài chính**

- Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã tham gia góp vốn 06 Dự án, trong đó có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể:

- **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco**

Tổng vốn điều lệ 823,79 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm, đến cuối năm 2023 đã kinh doanh có lãi hơn 1,77 tỷ đồng.

➤ **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom**

Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2023: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,03%. Dự án đi vào khai thác, bước đầu dự án đã có kết quả kinh doanh hiệu quả trong năm 2023, dự án lãi 132,109 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ, Quân sự:

- Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy- Ban Tổng Giám đốc Công ty, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh, sự hỗ trợ hướng dẫn nghiệp vụ của Ban chỉ huy quân sự 02 huyện Tân Châu và Tân Biên trong công tác quốc phòng, quân sự. CBCNV- NLĐ, lực lượng tự vệ của công ty chấp hành nghiêm các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng pháp triển kinh tế văn hóa xã hội và quốc phòng an ninh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc.

- Công ty luôn quan tâm đến công tác tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay có một số nhân viên bảo vệ mới tuyển dụng công ty chưa tập huấn nghiệp vụ theo quy định của Bộ công an.

Năm 2023, Ban Chỉ huy quân sự đã tham mưu cho Đảng ủy - Ban Tổng Giám đốc Công ty kết hợp cùng Ban Chỉ huy quân sự huyện Tân Châu, báo cáo đề nghị Hội đồng GDQP & AN huyện tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 04 là 10 người, mở 01 lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh đối tượng 05 là 100 người cho công nhân lao động trong Công ty.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng Khu vực phòng thủ tỉnh, huyện giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ; kế hoạch xây dựng Ban Chỉ huy quân sự Công ty vững mạnh toàn diện; kế hoạch mua sắm trang bị, công cụ hỗ trợ cho lực lượng tự vệ giai đoạn 2021-2025.

- Quán triệt và triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ quốc phòng về công tác Quân sự- Quốc phòng, thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, huyện về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; Tổ chức duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các cao điểm, lễ tết, Tổ chức quản lý công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của tự vệ đúng theo Thông tư 76/2020/TT-BQP ngày 23/06/2020 của Bộ quốc phòng và các văn bản của cấp trên. Thông tư số 77/TT-BQP ngày 23/06/2020 của Bộ quốc phòng; xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của lực lượng tự vệ theo nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Từ ngày 20/04/2023 đến ngày 27/04/2023 Công ty phối hợp với Công an huyện Tân Châu, Công an huyện Tân Biên tổ chức tuyên truyền một số chuyên đề như: Luật giao thông đường bộ và tình hình an ninh trật tự tại địa phương; tuyên truyền gương người tốt việc tốt trong đấu tranh phòng chống tội phạm; Luật phòng cháy chữa cháy (Các nguyên nhân gây cháy nổ và các biện pháp phòng cháy chữa cháy) được 06 lớp với 823/878 lượt người tham gia đạt 93,74%.

- Tham gia huấn luyện nâng cao Bán đạn thật súng tiểu liên AK, AR15 cho lực lượng tự vệ năm thứ 02 trở lên và tham gia huấn luyện lực lượng dự bị động viên (gồm 10 đồng chí thời gian huấn luyện 18 ngày)

- Trong năm 2023, Công ty phối với Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Công an huyện Tân Châu tuyên truyền công tác bảo vệ an ninh trật tự và công tác phòng, chống mất cắp tài sản được 03 buổi, tại Nông trường cao su Tân Hiệp, Nông trường cao su Bồ Túc, Nông trường cao su Suối Ngô với 422/595 người tham dự, đạt 70,92%. Đồng thời, lực lượng tự vệ đã phối hợp với Công an, Biên phòng tổ chức tuần tra phát hiện và xử lý 73 vụ trộm cắp mủ với 53 đối tượng, tài sản thu hồi 2.004 kg mủ các loại.

- Công tác chính sách đối với lực lượng bảo vệ: Công ty trả lương theo hệ số, phụ cấp chức vụ, chế độ ngày nghỉ theo đúng qui định.

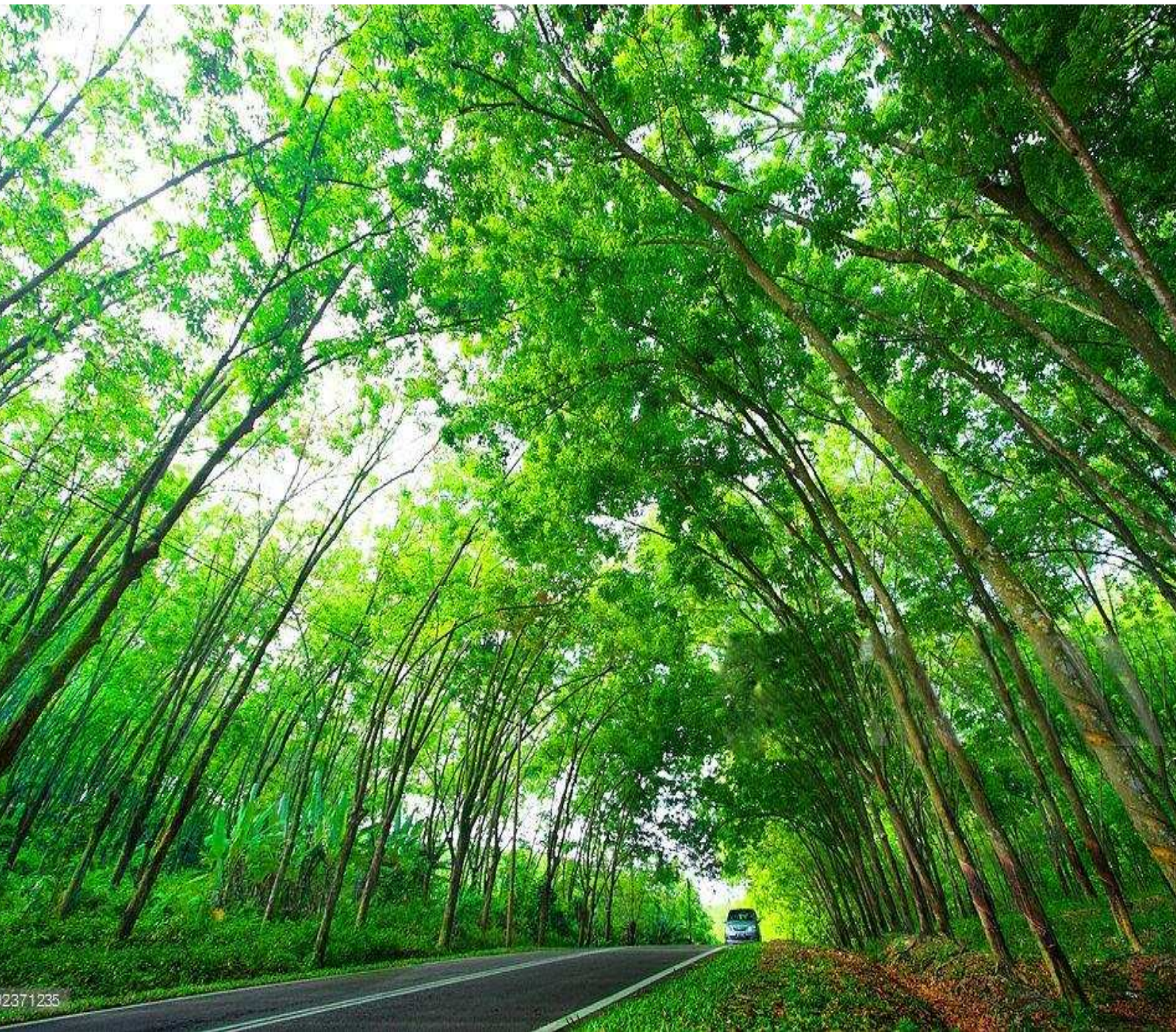


KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	2	3
* Diện tích cao su khai thác.	Ha	2.369,62
<i>Trong đó: Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>1.967,56</i>
<i>Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>402,06</i>
* Diện tích cao su KTCB	Ha	2.639,82
* Diện tích cao su thanh lý trong kỳ	Ha	631,6
* Diện tích cao su tái canh	Ha	636,67
* Sản lượng cao su khai thác. Trong đó:	Tấn	3.000
- Sản lượng cao su Công ty tự khai thác	Tấn	2.505
- Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác	Tấn	495
* Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,27
* Sản lượng thu mua cao su tiêu điện	Tấn	1.000
* Sản lượng thu mua cao su thành phẩm	Tấn	8.000
* Sản lượng cao su chế biến.	Tấn	3.505
- Mủ công ty	Tấn	2.505
- Mủ thu mua	Tấn	1.000
* Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	11.500
* Tổng doanh thu	Tỷ đồng	641,52
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác, thu mua và hàng hóa cao su</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>412,36</i>
* Giá bán tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	35,86
<i>Trong đó: Giá bán tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>37,82</i>
<i>Giá bán tiêu thụ mủ cao su thu mua</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>37,99</i>
<i>Giá bán tiêu thụ hàng hóa cao su</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>34,98</i>
* Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	84,33
* Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	225,24
* Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu	%	10
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn ĐL	%	25,61%
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	35,11%
* Tổng nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	71,12
* Lao động bình quân	Người	1.055
* Thu nhập bình quân	Trđ/người/tháng	7,8

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2023, nền kinh tế thế giới trong và ngoài nước diễn biến phức tạp theo chiều hướng không thuận lợi, thị trường cao su diễn biến không như dự báo, công tác tiêu thụ có những khó khăn nhất định do nhu cầu yếu, giá bán giảm sâu; thời tiết không thuận lợi và đặc biệt tình hình mất cắp mủ diễn biến phức tạp, khó khăn trong công tác bảo vệ mủ cao su khai thác trên vườn cây làm ảnh hưởng đến công tác thực hiện sản lượng khai thác.

Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 trong bối cảnh Ngành Cao su Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2023 là 2.310,85 ha. Đầu năm 2023, công nhân tiếp tục nghỉ việc nhiều dẫn đến thiếu lao động nên phải thực hiện công tác nhượng quyền khai thác bên ngoài với diện tích là 205,24 ha, chiếm 8,87% tổng diện tích khai thác, diện tích Công ty tự khai thác còn lại là 2.105,61 ha

Diện tích vườn cây Công ty tự khai thác (2.105,61 ha) đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao. Cụ thể: Diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 1.241,55 ha chiếm tỷ lệ 58,96% diện tích khai thác và các diện tích này thực hiện chế độ cạo D4; còn lại diện tích vườn cây nhóm 1 với diện tích 864,06 ha chiếm tỷ lệ 41,04% diện tích khai thác và các diện tích vườn cây nhóm 1 thực hiện chế độ cạo D3.

Thị trường cao su tiếp tục diễn biến theo xu hướng không thuận lợi như: giá bán cao su giảm mạnh (giảm 5,84 triệu đồng/tấn so với năm 2022), thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn, công tác bán hàng rất chậm nên dẫn đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong năm thấp.

- Ngày 23/06/2023, Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao độ của toàn thể người quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Năm 2023, Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản Năm 2023

CHỈ TIÊU	DVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
Sản lượng khai thác	Tấn	3.200,00	3.201,87	100,06
Năng suất	Tấn/ha	1,38	1,39	100,24
Sản lượng chế biến	Tấn	4.486,00	2.971,93	66,25
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	12.500,00	19.103,59	152,83
Tồn kho cuối năm	Tấn	4.721	3.123	66,15
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
Giá thành	Triệu đ/tấn	36,66	33,27	90,74
- Mủ khai thác	-	32,94	33,96	103,10
- Mủ thu mua	-	39,00	36,56	93,76
- Hàng hóa cao su	-	37,63	32,98	87,65
Giá bán	Triệu đ/tấn	37,91	32,81	86,55
- Mủ khai thác	-	38,02	34,59	90,98
- Mủ thu mua	-	39,18	35,45	90,48
- Hàng hóa cao su	-	37,63	32,39	86,07
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	614.672,00	883.555,00	143,74
Tổng LNTT	-	146.996,00	235.272,00	160,05
Trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	%	7,00	16,50	235,71

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và có quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên nhằm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Tổng Giám Đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2023.
- Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC17025:2017; Vận hành quản lý hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm CoC từ khâu khai thác đến khâu tiêu thụ sản phẩm, điều chỉnh tỷ trọng chế biến theo hướng tăng chủng loại sản phẩm có nhu cầu của thị trường cao hơn, có giá trị gia tăng nhiều hơn. Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp, quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất thành phẩm ở mức tối ưu nhất có thể.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tổ chức thu mua mủ cao su tiêu điền trên địa bàn và nhận gia công mủ cao su để tận dụng hết công suất của Nhà máy, tạo việc làm cho người lao động, đảm bảo kinh doanh có lãi, tăng doanh thu, tăng thu nhập cho người lao động;
- Tập trung tái cơ cấu, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư ở Công ty con (2 dự án tại Campuchia) và các Công ty liên doanh, liên kết để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý suất đầu tư, kết hợp trồng xen canh nhằm giảm suất đầu tư, chủ động xây dựng phương án nhượng quyền khai thác đối với diện tích thiếu lao động khai thác, tiếp tục thực hiện hợp tác đầu tư trồng luân canh cây trồng khác trên diện tích chờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chính quyền địa phương trong việc thực hiện cấp chứng chỉ rừng bền vững đối với diện tích rừng cao su còn lại nhằm nâng cao giá trị sản phẩm của Công ty nói riêng và thương hiệu của Tập đoàn nói chung.

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

- Diện tích cao su khai thác: 2.369,62 ha.

- Tổng sản lượng cao su khai thác: 3.000 tấn.

Trong đó:

+ Sản lượng cao su Công ty tự khai thác: 2.505 tấn.

+ Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác: 495 tấn.

- Năng suất bình quân: 1,27 tấn/ha.

- Thu mua mủ cao su nguyên liệu: 1.000 tấn.

- Thu mua cao su thành phẩm: 8.000 tấn.

- Sản lượng cao su chế biến (Mủ Công ty và thu mua): 3.505 tấn.

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 11.500 tấn.

Trong đó:

+ Xuất khẩu: 3.000 tấn.

+ Nội tiêu: 8.500 tấn.

- Giá bán tiêu thụ cao su bình quân 35,86 triệu đồng/tấn. Trong đó: Giá bán mủ cao su khai thác 37,82 triệu đồng/tấn

- Tổng doanh thu: 641,523 tỷ đồng. (*Trong đó:* Doanh thu từ hoạt động SXKD cao su: 412,359 tỷ đồng)

- Lợi nhuận trước thuế: 225,244 tỷ đồng.

- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu: 10%/mệnh giá.

- Phần đầu thu nhập bình quân trên 7,8 triệu đồng/người/tháng.



-
- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
 - ❖ Quan hệ cổ đông
-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên	Thành viên độc lập

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp, ban hành 28 Nghị quyết để quản lý, lãnh đạo trong công tác cán bộ và sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng quý, Hội đồng Quản trị tổ chức họp với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty để đánh giá tình hình hoạt động và triển khai kế hoạch quý sau, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Hàng tháng HĐQT tham gia họp giao ban cùng với Ban điều hành để chỉ đạo, nắm bắt thông tin kết quả thực hiện các nghị quyết, chủ trương đã đề ra.

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật.

Các Nghị quyết đã thông qua trong năm 2023:

Stt	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06/NQ-HĐQTCSTB	11/01/2023	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua năm 2022	100
2	10/NQ-HĐQTCSTB	16/01/2023	Nghị quyết v/v phê duyệt phương án trả lương bổ sung năm 2022	100
3	14/NQ-HĐQTCSTB	17/01/2023	Nghị quyết v/v công tác tiền lương.	100
4	31/NQ-HĐQTCSTB	24/02/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
5	29/NQ-HĐQTCSTB	27/02/2023	Nghị quyết v/v họp hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý I/2023	100

Stt	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	29B/NQ-HĐQTCSTB	07/03/2023	Nghị quyết v/v hội đồng quản trị Công ty CP CS Tân Biên về công tác nhân sự.	100
7	52/NQ-HĐQTCSTB	31/03/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
8	57/NQ-HĐQTCSTB	20/04/2023	Nghị quyết v/v thời gian tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.	100
9	66/NQ-HĐQTCSTB	28/04/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
10	67/NQ-HĐQTCSTB	28/04/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
11	82/NQ-HĐQTCSTB	09/05/2023	Nghị quyết v/v thống nhất Phương án sắp xếp lại các Tổ SX mủ tại Xí nghiệp CKCB	100
12	92/NQ-HĐQTCSTB	19/05/2023	Nghị quyết v/v công tác nhân sự.	100
13	95/NQ-HĐQTCSTB	22/05/2023	Nghị quyết v/v thống nhất chủ trương giải thể Tổ bảo vệ - Xí nghiệp CKCB.	100
14	97/NQ-HĐQTCSTB	25/05/2023	Nghị quyết v/v họp hội đồng quản trị Công ty CP CS Tân Biên quý II/2023	100
15	153/NQ-HĐQTCSTB	05/07/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
16	164/NQ-HĐQTCSTB	14/07/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
17	172/NQ-HĐQTCSTB	20/07/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
18	182/NQ-HĐQTCSTB	02/08/2023	Nghị quyết v/v thống nhất chi trả cổ tức còn lại năm 2022	100
19	217/NQ-HĐQTCSTB	08/09/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
20	219/NQ-HĐQTCSTB	11/09/2023	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý III năm 2023	100

Stt	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	221/NQ-HĐQTCSTB	12/09/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
22	239/NQ-HĐQTCSTB	20/09/2023	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty về công tác nhân sự	100
23	240/NQ-HĐQTCSTB	26/09/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
24	267/NQ-HĐQTCSTB	26/10/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
25	286/NQ-HĐQTCSTB	06/12/2023	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý IV/2023	100
26	306/NQ-HĐQTCSTB	12/12/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100
27	308/NQ-HĐQTCSTB	22/12/2023	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương ký kết HDDH tiêu thụ cao su với Cty TNHH phát triển cao su TB-KPT và Công ty TNHH cao su MeKong năm 2024	100
28	313/NQ-HĐQTCSTB	28/12/2023	Nghị quyết v/v công tác sản xuất kinh doanh.	100



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

- Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã có gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển bền vững của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã cơ bản hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong những năm tới.

Danh sách các Tv.HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên	Thành viên độc lập



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Ban Kiểm soát đề cử 02 thành viên; trong đó: 01 thành viên tham gia Tổ chuyên gia xét thầu và 01 thành viên tham gia Tổ kiểm tra nội bộ.
- Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đóng góp ý kiến với HĐQT – Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2023 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023:

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh
1	Tài sản ngắn hạn		559.148	
2	Tài sản dài hạn		2.175.976	
	Tổng tài sản		2.735.125	
3	Nợ phải trả		407.476	
4	Vốn chủ sở hữu		2.327.648	
	Tổng nguồn vốn		2.735.125	
5	Doanh thu	614.672	883.555	143,74%
6	Chi phí	467.676	648.283	138,62%
7	Lợi nhuận trước thuế	146.996	235.272	160,05%
8	Lợi nhuận sau thuế	120.010	0	0,00%
9	Sản lượng khai thác (tấn quy khô)	3.200	3.201,87	100,06%
10	Sản lượng chế biến (tấn quy khô)	4.486	2.972	66,25%
11	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	12.500	19.104	152,83%
12	Giá bán bình quân (ngàn đồng/tấn)	37,91	32,81	86,55%

Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2023:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023	ĐVT	Mức đạt theo BCTC HN năm 2023
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,742
Tỷ số thanh toán nợ đến hạn	Lần	2,517
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	26,63%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	8,60%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,045

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty CP Cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết là vốn của chủ sở hữu được bảo toàn.

Năm 2023, Công ty đã tiến hành trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, như sau:

- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 9,376 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,209 tỷ đồng.
- Chia cổ tức còn lại năm 2022 là 11,% mệnh giá: 101,137 tỷ đồng (đã chi tạm ứng cổ tức năm 2022 trong năm 2022 bằng 5% mệnh giá: 43,972 tỷ đồng).

Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công tác đầu tư:

Đầu tư XDCB năm 2023 của Công ty:

- Tổng mức đầu tư năm 2023: 51.113 triệu đồng, được đầu tư bằng nguồn vốn tự có của Công ty và Vốn tín dụng. Tất cả các dự án đều được thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch.
- Công tác chỉ đạo và triển khai dự án từ các khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, lập dự toán, thẩm tra, thẩm định dự toán và phê duyệt các dự án thực hiện theo quy định về thủ tục, trình tự quản lý đầu tư xây dựng. Đơn vị thiết kế, lập dự án, báo cáo đầu tư có chức năng hành nghề. Tùy theo quy mô dự án thuê tư vấn thẩm tra Thiết kế - Dự toán, công ty tự tổ chức thẩm tra và thẩm định phê duyệt dự án, công trình, Công ty tự tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu chọn đơn vị thi công. Song song đó, Công ty tự kiểm tra giám sát công trình làm cơ sở theo dõi để nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.
- Mỗi công trình đều có quyết định cử cán bộ nghiệp vụ chuyên môn làm công tác giám sát tại hiện trường. Thành phần nghiệm thu gồm các phòng nghiệp vụ có liên quan để thực hiện cho từng dự án, từng công trình xây dựng. Công tác nghiệm thu thực hiện đúng theo quy định về quản lý chất lượng, cụ thể nghiệm thu công việc, công đoạn và tổng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Công tác quyết toán căn cứ khối lượng thực hiện được nghiệm thu thể hiện trên bảng vẽ hoàn công.

Đầu tư tài chính ra bên ngoài:

Tính đến 31/12/2023, Công ty đang đầu tư vào 06 dự án với tổng số vốn đã góp là 918.024 triệu đồng. Có thể đánh giá hiệu quả công tác đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Trong quá trình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, Công ty thực hiện đúng trình tự thủ tục về đầu tư vốn, kể cả việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Tất cả các dự án đều được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận và được Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết về đầu tư vốn, có quyết định cử người đại diện vốn đầy đủ.
- Về tiến độ đầu tư, Công ty thực hiện góp vốn các khoản đầu tư theo kế hoạch do các Công ty nhận đầu tư thông báo và đều được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Về tiền lương:

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, Tổng quỹ lương thực hiện năm 2023 của Công ty là: 66,976 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã phân phối quỹ lương một cách hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

Kiểm soát công nợ:

- Thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng khách hàng, từng đối tượng nợ. Thực hiện việc trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

Các công tác khác của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác đầu tư XDCB, tiền lương, ... tại Công ty;

- Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng vốn của Ban quản lý điều hành Công ty;
- Thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình hoạt động của các dự án đầu tư tài chính của Công ty.

Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công ty trên tinh thần đoàn kết nhất trí và trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của công ty và của cổ đông. Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động SXKD của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...

Phương hướng nhiệm vụ năm 2024:

- Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2024 như sau:

Lĩnh vực Tài chính:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện giá thành khai thác, chế biến và các chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông, Nhà nước.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần cao su Tân Biên năm 2024; 06 tháng đầu năm 2024.
- Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Lĩnh vực Nông nghiệp:

- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản lượng khai thác.
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch và thực hiện suất đầu tư theo các quy định quản lý suất đầu tư của Tập đoàn.
- Giám sát tình hình mua và sử dụng phân bón theo các quy định của Tập đoàn.

Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư:

- Kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu, mua sắm thường xuyên.
- Kiểm tra, giám sát nhượng quyền khai thác, thanh lý vườn cây cao su.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực Lao động tiền lương:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2023, xây dựng kế hoạch lao động và kế hoạch tiền lương năm 2024.

- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng và sử dụng lao động, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, phê duyệt kế hoạch lao động; đào tạo và an toàn vệ sinh lao động.

Một số công tác khác:

- Giám sát hoạt động thu mua và gia công mủ cao su.
- Giám sát tình hình thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- Giám sát việc thẩm định báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên - Kampongthom.
- Giám sát các lĩnh vực mà Công ty dự kiến thực hiện trong thời gian tới như về dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác mỏ đá, khu công nghiệp...
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đột xuất khi có yêu cầu của Công ty, Tập đoàn và những lĩnh vực mà Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy cần thiết, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2023

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương + Thù lao	Thưởng và chi khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Lê Thị Bích Lợi	478.724.672	73.222.000		
	Trương Văn Cư	453.236.396	83.122.000		
	Dương Tấn Phong	407.279.932	43.122.000		
	Lâm Thanh Phú	33.750.000	64.072.000		
	Đỗ Quốc Tuấn	33.750.000	10.822.000		
2	Ban kiểm soát				
	Nguyễn Văn Sang	359.227.977	34.200.000		Không có phát sinh
	Hoàng Quốc Hưng	26.736.000	5.000.000		
	Hoàng Văn Vinh	30.000.000	5.000.000		
3	Ban điều hành				
	Trương Văn Cư	Như trên	Như trên		
	Dương Tấn Phong	Như trên	Như trên		
	Trần Văn Toàn	389.416.428	42.122.000		
4	Kế toán trưởng				
	Lâm Quang Phúc	362.239.146	34.200.000		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2023):
Không có

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (Triệu đồng)
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Chia trả cổ tức	99.579
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (TKR)	Công ty con	Cổ tức nhận được	97.247
Công ty CP Chế biến - XNK Gõ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	324
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom	Công ty con gián tiếp	Mua mủ cao su	258.903
Caoutchouc Mekong Co., Ltd	Công ty con gián tiếp	Mua mủ cao su	163.813
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Cổ tức nhận được	840

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

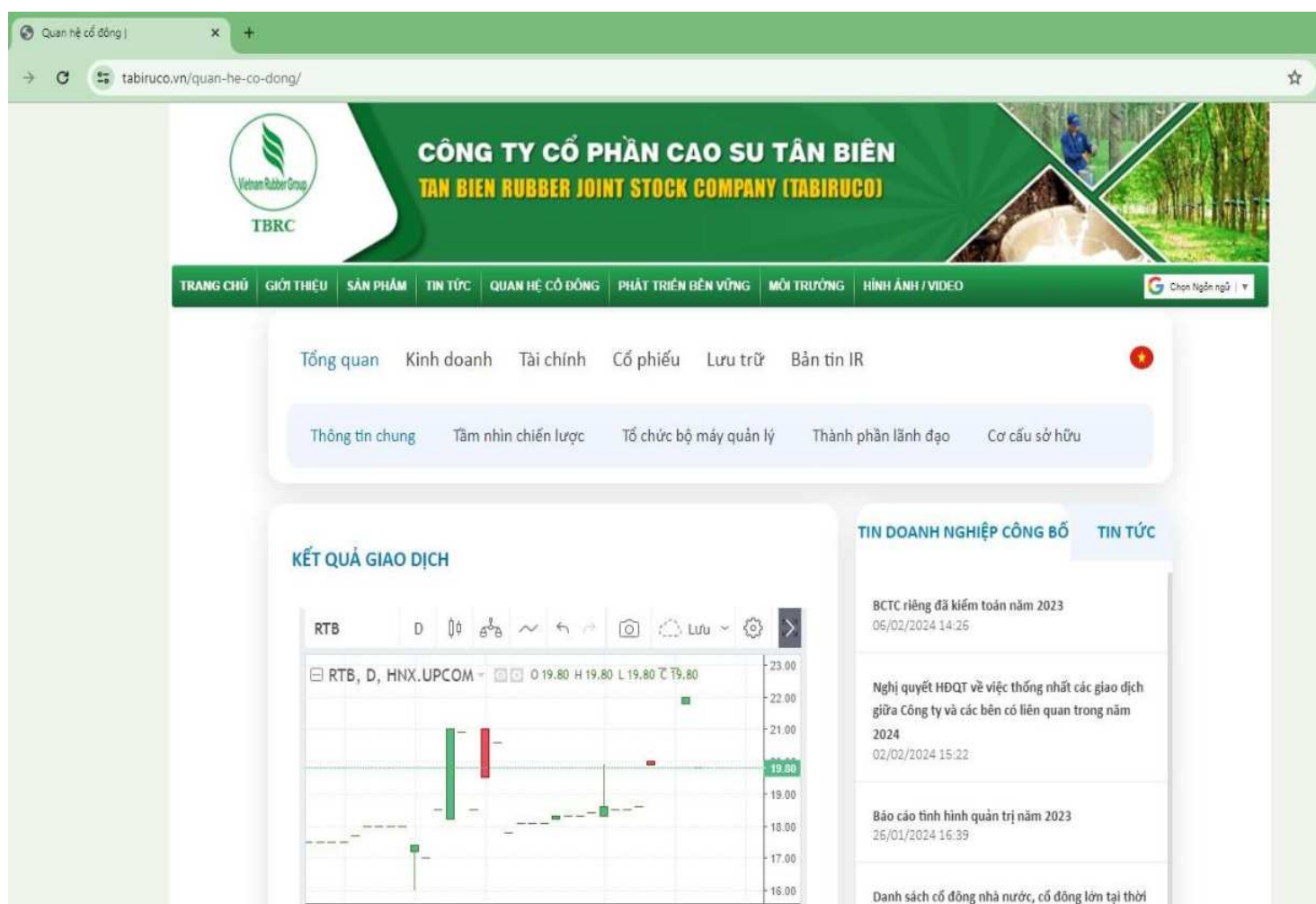
Nhìn chung trong năm 2023 vừa qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa RTB và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại:

<http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

RTB luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.



The screenshot displays the website for Tabiruco, a joint stock company. The page is titled "Quan hệ cổ đông" (Shareholder Relations) and is located at <http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>. The header includes the company logo (Vietnam Rubber Group TBRC) and the name "CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN TAN BIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY (TABIRUCO)". The navigation menu includes: TRANG CHỦ, GIỚI THIỆU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, MÔI TRƯỜNG, HÌNH ẢNH / VIDEO. The main content area features a navigation bar with links: Tổng quan, Kinh doanh, Tài chính, Cổ phiếu, Lưu trữ, Bản tin IR. Below this, there are links for Thông tin chung, Tầm nhìn chiến lược, Tổ chức bộ máy quản lý, Thành phần lãnh đạo, and Cơ cấu sở hữu. The main content is divided into two sections: "KẾT QUẢ GIAO DỊCH" (Trading Results) and "TIN DOANH NGHIỆP CÔNG BỐ" (Business News). The "KẾT QUẢ GIAO DỊCH" section shows a candlestick chart for RTB, D, HNX.UPCOM, with a price of 19.80. The "TIN DOANH NGHIỆP CÔNG BỐ" section lists several news items: "BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023" (06/02/2024 14:26), "Nghị quyết HĐQT về việc thống nhất các giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan trong năm 2024" (02/02/2024 15:22), "Báo cáo tình hình quản trị năm 2023" (26/01/2024 16:39), and "Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm..."

CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN



Tây Ninh ngày 11 tháng 03 năm 2024
Xác nhận của người đại diện trước pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổng Giám đốc



Trương Văn Cư

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN 2023



Số: 050224.00/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 05 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

SC.COM.VN

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 37 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ vào Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 450/TB-KTNN ngày 26/07/2023 về kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2022 của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Lê Trường Long
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2020-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		344.815.920.304	365.799.921.754
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	76.067.034.459	35.424.279.867
111	1. Tiền		28.318.929.079	16.125.491.486
112	2. Các khoản tương đương tiền		47.748.105.380	19.298.788.381
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	106.415.890.441	102.721.328.987
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		106.415.890.441	102.721.328.987
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.591.481.137	19.339.443.297
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	19.174.182.755	6.686.692.571
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	686.718.604	3.141.991.069
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.730.579.778	9.510.759.657
140	IV. Hàng tồn kho	08	119.729.917.760	190.969.037.407
141	1. Hàng tồn kho		119.729.917.760	211.873.867.360
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(20.904.829.953)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.011.596.507	17.345.832.196
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.204.409.713	926.576.551
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.171.094.924	8.845.170.993
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.636.091.870	7.574.084.652
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.108.274.669.381	1.067.682.805.350
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		220.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	220.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		85.601.573.574	59.364.536.814
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	85.601.573.574	59.364.536.814
222	- Nguyên giá		331.442.103.309	317.191.825.602
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(245.840.529.735)	(257.827.288.788)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	166.763.574.558	152.035.980.247
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		166.763.574.558	152.035.980.247
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	851.035.314.457	851.024.799.274
251	1. Đầu tư vào công ty con		795.041.141.348	795.041.141.348
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.403.643.263)	(1.414.158.446)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.654.206.792	5.257.489.015
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.654.206.792	5.257.489.015
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.453.090.589.685	1.433.482.727.104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		113.374.028.230	191.657.356.007
310	I. Nợ ngắn hạn		77.096.069.667	162.149.483.676
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.192.982.524	37.425.352.922
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.538.310.140	11.538.821.162
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.870.739	2.270.732.679
314	4. Phải trả người lao động		20.716.423.267	22.455.378.958
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.761.330.789	1.202.138.873
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.382.635.322	50.042.157.098
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	4.800.000.000	184.896.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		20.696.516.886	37.030.005.984
330	II. Nợ dài hạn		36.277.958.563	29.507.872.331
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.371.991.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	23.959.000.000	18.560.904.768
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.339.716.561.455	1.241.825.371.097
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.339.716.561.455	1.241.825.371.097
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		214.152.261.325	116.261.070.967
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		11.538.557.967	49.833.702.982
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		202.613.703.358	66.427.367.985
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.453.090.589.685	1.433.482.727.104



Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập



Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng




Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc


Tây Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	627.781.708.902	626.857.959.480
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.801.124.640	218.211.840
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		625.980.584.262	626.639.747.640
11	4. Giá vốn hàng bán	23	612.221.046.132	599.752.336.624
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.759.538.130	26.887.411.016
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	111.468.314.011	16.124.586.348
22	7. Chi phí tài chính	25	3.707.584.413	1.583.731.486
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		361.467.217	150.098.474
25	8. Chi phí bán hàng	26	6.065.013.839	7.673.643.747
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	17.154.107.104	20.390.808.404
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		98.301.146.785	13.363.813.727
31	11. Thu nhập khác	28	144.305.434.812	140.694.136.286
32	12. Chi phí khác	29	7.333.755.686	6.697.542.123
40	13. Lợi nhuận khác		136.971.679.126	133.996.594.163
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		235.272.825.911	147.360.407.890
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	27.259.122.553	30.960.539.905
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>208.013.703.358</u>	<u>116.399.867.985</u>


Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập


Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng


Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		635.753.158.644	649.057.535.721
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(500.608.253.476)	(586.679.042.529)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(61.975.951.501)	(74.679.324.070)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(354.011.392)	(123.528.726)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29.423.543.199)	(27.610.013.967)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.995.770.290	15.632.591.127
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(95.608.702.112)	(100.265.247.379)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.221.532.746)	(124.667.029.823)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.393.018.981)	(37.160.043.350)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		135.021.500.000	131.772.702.974
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(125.000.000.000)	(22.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		121.305.438.546	36.222.407.038
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		109.496.279.408	11.387.551.391
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		208.430.198.973	120.222.618.053
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		14.000.000.000	10.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.986.800.768)	(184.896.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(145.120.307.250)	(165.243.466.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(135.107.108.018)	(155.428.362.300)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		41.101.558.209	(159.872.774.070)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		35.424.279.867	195.237.841.660
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(458.803.617)	59.212.277
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	76.067.034.459	35.424.279.867

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024



Số: 200224.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

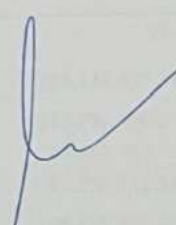
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 40 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ vào Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 450/TB-KTNN ngày 26/07/2023 về kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2022 của Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2024


Lê Trường Long
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		559.148.337.111	648.933.963.300
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	169.706.090.341	190.370.055.465
111	1. Tiền		85.451.454.961	99.571.267.084
112	2. Các khoản tương đương tiền		84.254.635.380	90.798.788.381
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	106.415.890.441	103.261.328.987
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		106.415.890.441	103.261.328.987
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.559.791.454	35.625.476.668
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.174.182.755	14.365.564.237
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.598.937.502	13.966.704.214
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.545.627.904	9.958.079.735
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.758.956.707)	(2.664.871.518)
140	IV. Hàng tồn kho	9	172.268.436.834	237.657.883.480
141	1. Hàng tồn kho		172.268.436.834	258.562.713.433
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(20.904.829.953)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		81.198.128.041	82.019.218.700
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.204.409.713	926.576.551
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		78.323.077.036	73.483.022.984
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.670.641.292	7.609.619.165
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.175.976.309.374	2.130.002.228.845
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		220.000.000	3.508.795.590
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	3.508.795.590
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	220.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		1.919.874.618.346	1.869.954.527.419
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.918.702.741.571	1.868.438.241.556
222	- Nguyên giá		2.822.357.209.358	2.646.966.501.117
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(903.654.467.787)	(778.528.259.561)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.171.876.775	1.516.285.863
228	- Nguyên giá		4.027.720.042	3.902.135.265
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.855.843.267)	(2.385.849.402)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		167.155.741.319	156.823.181.684
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	167.155.741.319	156.823.181.684
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	58.247.945.251	61.175.985.112
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.345.141.773	21.283.696.817
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.403.643.263)	(1.414.158.446)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		30.478.004.458	38.539.739.040
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	23.391.625.730	30.487.917.180
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.a	7.086.378.728	8.051.821.860
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.735.124.646.485	2.778.936.192.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		407.476.185.062	550.557.716.634
310	I. Nợ ngắn hạn		222.129.683.761	289.591.324.495
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	23.577.631.699	13.775.416.234
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	11.563.421.857	11.863.107.038
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	39.506.896.797	48.922.205.352
314	4. Phải trả người lao động		59.759.759.831	64.242.191.549
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.105.851.508	10.094.480.428
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.565.170.054	52.634.576.186
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	43.687.435.129	51.029.341.724
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.363.516.886	37.030.005.984
330	II. Nợ dài hạn		185.346.501.301	260.966.392.139
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.371.991.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	173.027.542.738	250.019.424.576
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.327.648.461.423	2.228.378.475.511
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.327.648.461.423	2.228.378.475.511
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		146.223.888.774	109.727.142.373
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		265.003.811.854	202.188.273.466
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		85.385.279.317	41.615.660.563
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		179.618.532.537	160.572.612.903
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		741.717.438.395	741.759.737.272
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.735.124.646.485	2.778.936.192.145

Người lập



Trần Nguyễn Duy Sinh

Kế toán trưởng



Lâm Quang Phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trương Văn Cư

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	954.923.841.505	937.898.663.202
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2.582.982.538	1.164.914.231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		952.340.858.967	936.733.748.971
11	4. Giá vốn hàng bán	24	696.883.429.994	617.584.663.443
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		255.457.428.973	319.149.085.528
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	37.929.733.767	31.778.391.264
22	7. Chi phí tài chính	26	41.495.457.871	41.534.720.882
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		20.237.368.614	25.298.697.574
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2.938.555.044)	(702.920.940)
25	9. Chi phí bán hàng	27	29.980.374.914	37.344.621.943
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	61.161.727.508	62.189.833.945
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		157.811.047.403	209.155.379.082
31	12. Thu nhập khác	29	145.009.490.471	139.402.494.956
32	13. Chi phí khác	30	7.623.058.065	11.399.897.594
40	14. Lợi nhuận khác		137.386.432.406	128.002.597.362
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		295.197.479.809	337.157.976.444
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	50.433.584.845	62.316.814.729
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.b	965.443.132	951.603.851
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		243.798.451.832	273.889.557.864
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		189.594.234.451	210.545.112.903
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		54.204.217.381	63.344.444.961
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.094	2.394

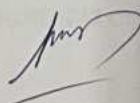
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập



Trần Nguyễn Duy Sinh

Kế toán trưởng



Lâm Quang Phúc

Tổng Giám đốc



Trương Văn Cư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		295.197.479.809	337.157.976.444
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		133.488.817.932	122.257.431.929
03	- Các khoản dự phòng		(20.821.259.947)	19.967.721.779
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.338.566.641)	(4.672.549.970)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(146.609.074.186)	(131.661.461.333)
06	- Chi phí lãi vay		20.237.368.614	25.298.697.574
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		280.154.765.581	368.347.816.423
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.466.428.778	(29.335.281.057)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		86.294.276.599	(66.389.825.342)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(57.263.717.527)	(40.868.223.523)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.818.458.288	(17.307.766.162)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(20.291.804.639)	(25.310.529.466)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(62.465.421.278)	(68.675.766.844)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.711.405.397)	(42.515.200.639)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		195.001.580.405	77.945.223.390
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(112.520.244.564)	(52.583.707.342)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		132.952.060.254	118.353.160.941
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(125.540.000.000)	(22.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		125.894.234.136	36.421.764.038
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.303.283.584	12.258.845.749
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		37.089.333.410	92.450.063.386
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		14.000.000.000	14.271.010.308
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(105.398.919.913)	(115.306.227.050)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(168.799.097.600)	(165.243.466.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(260.198.017.513)	(266.278.683.042)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(28.107.103.698)	(95.883.396.266)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		190.370.055.465	265.828.817.260
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.443.138.574	20.424.634.471
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>169.706.090.341</u>	<u>190.370.055.465</u>

Người lập

Trần Nguyễn Duy Sinh

Kế toán trưởng

Lâm Quang Phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trương Văn Cư

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Trụ sở : Tổ 2 - Thạnh Phú – Tân Hiệp – Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276. 3875193 – 3875266

Fax: 0276. 3875307

Email: tbrc@tabiruco.vn

Website: www.tabiruco.vn

